

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU**

**CHUYÊN NGÀNH: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
(CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO THÍ ĐIỂM)**

*(Ban hành theo Quyết định số 4246/QĐ-ĐHQGHN, ngày 19 tháng 10 năm 2015
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Môi trường và phát triển bền vững

(Chuyên ngành đào tạo thí điểm)

+ Tiếng Anh: Environment and Sustainable Development

- Tên ngành đào tạo:

+ Tiếng Việt: Khoa học môi trường

+ Tiếng Anh: Environmental Science

- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Khoa học môi trường

+ Tiếng Anh: The Degree of Master in Environmental Science

**- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Khoa học Tự nhiên,
ĐHQGHN.**

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc thạc sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững được xây dựng nhằm giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề mang tính liên ngành về quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa

VKS

dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã hội, an ninh quốc phòng và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức: Chương trình đào tạo được xây dựng theo định hướng nghiên cứu, nhằm trang bị và hướng dẫn người học bổ sung, cập nhật hệ thống kiến thức nâng cao và chuyên sâu ở bậc thạc sĩ về chuyên ngành Môi trường và Phát triển bền vững.

2.2.2. Về kỹ năng: Trang bị cho học viên thạc sĩ các phương pháp nghiên cứu về môi trường và phát triển bền vững, các kỹ năng phân tích nâng cao, phát hiện, đánh giá và dự báo những vấn đề môi trường và phát triển bền vững, năng lực thực tiễn về hoạt động quản lý, khai thác, bảo tồn tài nguyên, đa dạng sinh học, dự báo và phòng chống các tai biến tự nhiên và môi trường, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển bền vững ở quy mô địa phương, vùng, quốc gia và khu vực. Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững.

2.2.3. Về thái độ: Có phẩm chất chính trị, đạo đức, nắm vững kiến thức hiện đại về tài nguyên môi trường phục vụ sự phát triển bền vững đất nước và nhân loại.

2.2.4. Về năng lực: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn thuộc lĩnh vực môi trường và phát triển bền vững, đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2.2.5. Các vị trí công tác có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp: Giảng viên, nghiên cứu viên, nhà quản lý tại các trường đại học và cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, các cơ quan quản lý các cấp về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững; Nhà quản lý hay nghiên cứu tại các tổ chức phi chính phủ, các

doanh nghiệp, các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững. Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ có thể được đào tạo tiếp tục ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Môn thi tuyển sinh:

- Môn thi cơ bản: Đánh giá năng lực hoặc Toán cao cấp 3
- Môn thi cơ sở: Cơ sở khoa học môi trường
- Môn ngoại ngữ: Một trong 5 thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung

3.2. Đối tượng tuyển sinh

+ Điều kiện văn bằng

Ngành Khoa học môi trường là ngành Khoa học liên ngành và quản lý, thí sinh dự thi phải có một trong các văn bằng sau:

- Nhóm ngành đúng, ngành phù hợp: có bằng tốt nghiệp đại học ngành Khoa học môi trường hoặc chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau dưới 10% cả về nội dung vào thời lượng học tập của khối kiến thức ngành Khoa học môi trường.

- Nhóm ngành gần: có bằng tốt nghiệp đại học cùng trong nhóm ngành trong danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III (trừ trường hợp thuộc nhóm ngành đúng, ngành phù hợp ở trên) hoặc chương trình đào tạo của ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% cả về nội dung vào thời lượng học tập của khối kiến thức ngành Khoa học môi trường, đã học bổ túc kiến thức các học phần để có trình độ tương đương với bằng tốt nghiệp ngành Khoa học môi trường. Nội dung, khối lượng (số tín chỉ) các học phần bổ sung do Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.

+ Thâm niên công tác: Không yêu cầu thâm niên công tác.

3.3. Danh mục các ngành đúng, phù hợp, gần

- Ngành đúng: Khoa học môi trường;
- Các ngành phù hợp: Khoa học môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Công nghệ môi trường; *VST*

- Các ngành gần: Thiên văn học, Vật lý học, Vật lý hạt nhân, Hoá học, Khoa học vật liệu, Công nghệ sinh học, Khoa học đất, Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Sinh học, Hóa học, Địa chất học, Địa lý tự nhiên, Khí tượng học, Thủy văn, Hải dương học, Quản lý tài nguyên và môi trường, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Quản lý đất đai.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

TT	Học phần	Số tín chỉ
1	Khoa học trái đất và sự sống	3
2	Cơ sở môi trường đất, nước, không khí	3
3	Khoa học môi trường đại cương	3
4	Cơ sở công nghệ môi trường	3
5	Hóa môi trường	3
6	Toán ứng dụng trong môi trường	3
7	Quản lý môi trường	3
8	Kinh tế môi trường	3
9	Quy hoạch môi trường	3
10	Các phương pháp phân tích môi trường	3
11	Đánh giá môi trường	3
12	Luật và chính sách môi trường	3
	Tổng cộng	36

(Số học phần cụ thể trong danh mục các học phần trên do đơn vị đào tạo quyết định yêu cầu bổ sung tùy thuộc vào bảng điểm hệ đại học của người dự tuyển). 

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Về kiến thức

Người tốt nghiệp chương trình Thạc sĩ Môi trường và Phát triển bền vững sẽ đảm bảo nắm vững những kiến thức chuyên môn sau:

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành môi trường và phát triển bền vững có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phân biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ về lĩnh vực bảo vệ môi trường nói chung hay quản lý tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và phát triển bền vững nói riêng; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường, phát triển bền vững;

- Hiểu bối cảnh và tư tưởng đường lối của Nhà nước Việt Nam được truyền tải trong khối kiến thức chung và vận dụng vào nghề nghiệp và cuộc sống;

- Có khả năng tổ chức thực hiện công việc, hoàn thành công việc chuyên môn tốt;

- Vận dụng tốt các kiến thức liên ngành và đa ngành (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học phát triển) làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững;

- Vận dụng một cách sáng tạo các kiến thức cơ bản của nhóm chuyên ngành Khoa học môi trường, Khoa học trái đất, Sinh học, Khoa học nông-lâm-ngư nghiệp, Khoa học xã hội và nhân văn làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững;

- Ứng dụng các kiến thức về môi trường và phát triển bền vững để luận giải các vấn đề thực tiễn trong công tác quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững;

- Vận dụng tốt kiến thức đa ngành, liên ngành để xây dựng, tổ chức thực hiện và đánh giá các dự án, chương trình hay giải pháp trong quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

1.2. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn

dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

2. Chuẩn về kĩ năng

2.1. Kĩ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

- Nắm vững lý thuyết mà còn có các kĩ năng cần thiết: Tổ chức và sắp xếp công việc, có khả năng làm việc độc lập; tự tin trong môi trường làm việc; có kĩ năng xây dựng mục tiêu cá nhân; có kĩ năng tạo động lực làm việc; có kĩ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; kĩ năng sử dụng và ứng dụng tin học trong hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Kĩ năng bổ trợ

2.2.1. Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Có khả năng phát hiện và tổng quát hóa vấn đề, giải quyết vấn đề, phân tích và đánh giá vấn đề về chuyên môn, lập luận và xử lý thông tin, phân tích định lượng và giải quyết các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, đồng thời đưa ra giải pháp, kiến nghị, tổ chức và triển khai giải pháp đối với vấn đề chuyên môn.

2.2.2. Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Có khả năng phát hiện vấn đề, kĩ năng tìm kiếm tài liệu và thu thập thông tin, tổ chức khảo sát, thực nghiệm trên nền kiến thức được trang bị để đặt giả thiết và chứng minh giả thiết trong lĩnh vực chuyên môn, đồng thời có khả năng tham gia, tổ chức khảo sát thực tế.

2.2.3. Khả năng tư duy theo hệ thống: Có khả năng tư duy chỉnh thể, logic, phân tích đa chiều, phân tích hệ thống, tư duy khoa học.

2.2.4. Bối cảnh xã hội và ngoại cảnh: Nắm được vai trò và trách nhiệm của mình trong quản lý, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, từ đó đưa ra những hành

Việt

động thích hợp, đảm bảo hướng tới phát triển bền vững; nắm được các quy định của xã hội đối với kiến thức chuyên môn, bối cảnh lịch sử, văn hóa dân tộc và các vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn về môi trường và phát triển bền vững.

2.2.5. *Bối cảnh tổ chức*: Hoạt động trong các doanh nghiệp nắm được văn hóa trong doanh nghiệp; chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của tổ chức, vận dụng kiến thức được trang bị phục vụ có hiệu quả trong phát triển doanh nghiệp đồng thời có khả năng làm việc thành công trong tổ chức.

2.2.6. *Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn*: Có phương pháp tốt và đúng đắn vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã được học vào thực tiễn; hình thành ý tưởng liên quan đến chuyên môn khoa học môi trường hoặc quản lý các dự án quy mô vừa trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

2.2.7. *Năng lực sáng tạo, phát triển và dẫn dắt sự thay đổi trong nghề nghiệp*: Có kỹ năng xây dựng mục tiêu cá nhân, động lực làm việc, phát triển cá nhân và sự nghiệp, phát triển tổ chức.

2.2.8. *Các kỹ năng cá nhân*: Kiên trì, linh hoạt và say mê công việc; có tư duy sáng tạo và tư duy phản biện, phương pháp luận phản biện; biết cách quản lý thời gian và nguồn lực; có các kỹ năng cá nhân cần thiết như thích ứng với sự phức tạp của thực tế, kỹ năng học và tự học, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng sử dụng thành thạo công cụ máy tính phục vụ chuyên môn và giao tiếp văn bản, hòa nhập cộng đồng và luôn có tinh thần tự hào, tự tôn.

2.2.9. *Làm việc theo nhóm*: Có khả năng làm việc theo nhóm và thích ứng với sự thay đổi của các nhóm làm việc.

2.2.10. *Quản lý và lãnh đạo*: Có khả năng hình thành nhóm làm việc hiệu quả, thúc đẩy hoạt động nhóm và phát triển nhóm; có khả năng lãnh đạo nhóm.

2.2.11. *Kỹ năng giao tiếp*: Kỹ năng cơ bản trong giao tiếp bằng văn bản, qua thư điện tử/phương tiện truyền thông, có chiến lược giao tiếp, có kỹ năng thuyết trình về lĩnh vực chuyên môn.

2.2.12. *Kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành*: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc

chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ.

2.2.14. Các kỹ năng khác: Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế, kỹ năng phát triển cá nhân và sự nghiệp; luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực khoa học; kỹ năng ứng dụng tin học, thư viện điện tử.

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân: Có trách nhiệm công dân và chấp hành pháp luật cao. Có ý thức bảo vệ tổ quốc, đề xuất sáng kiến, giải pháp và vận động chính quyền, nhân dân tham gia bảo vệ tổ quốc

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ: Trung thực, có đạo đức nghề nghiệp, có trách nhiệm trong công việc, đáng tin cậy trong công việc, nhiệt tình và say mê công việc.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề: Có phẩm chất đạo đức tốt, lễ độ, khiêm tốn, nhiệt tình, trung thực, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, yêu ngành, yêu nghề.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Giảng viên, nghiên cứu viên, nhà quản lý tại các trường đại học và cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, các cơ quan quản lý các cấp về tài nguyên, môi trường và phát triển bền vững;

- Nhà quản lý hay nghiên cứu tại các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các dự án liên quan đến bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp:

Học viên tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Môi trường và phát triển bền vững đủ kiến thức và năng lực để được học ở bậc tiến sĩ trong và ngoài nước.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo để xây dựng chương trình đào tạo:

- Tên cơ sở đào tạo, nước đào tạo: Trường Đại học Tổng hợp LEEDS, Vương quốc Anh.

- Tên chương trình (tên ngành/chuyên ngành), tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
The Degree of Master of Science in Sustainability (Environment and Development)

- Xếp hạng của cơ sở đào tạo, ngành/chuyên ngành đào tạo: Xếp hạng 133 vào năm 2012 theo Time Higher Education Ranking (The World University Rankings 2011-2012), điểm xếp hạng trung bình các ngành đạt 49,5.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo:	66 tín chỉ
- Khối kiến thức chung	07 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc:</i>	20 tín chỉ
+ <i>Lựa chọn:</i>	21/56 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ	18 tín chỉ

vet

2. Khung chương trình đào tạo

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung		7				
1	PHI 5001	Triết học <i>Philosophy</i>	3	30	15	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản * <i>General English</i>	4	30	30	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41				
II.1	Bắt buộc		20				
3	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật <i>English for Academic Purposes</i>	3	15	15	15	ENG5001
4	EVS 6102	Nguyên lí khoa học môi trường <i>Principles of Environmetal Science</i>	3	30	10	5	
5	EVS 6103	Nguyên lý công nghệ môi trường <i>Principal Environmental Technology</i>	3	27	12	6	EVS6102
6	EVS 6123	Khoa học bền vững <i>Sustainability science</i>	3	45	0	0	
7	EVS 6222	Đa dạng sinh học và bảo tồn <i>Biodiversity and Conservation</i>	2	15	10	5	
8	EVS 6223	Sinh thái nhân văn <i>Human Ecology</i>	2	20	10	0	

25

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
9	EVS 6224	Đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường <i>Strategic Environmental Assessment and Environmental Impact Assessment</i>	2	20	5	5	
10	EVS 6225	Nghiên cứu thực địa <i>Field Study</i>	2	5	20	5	
II.2	Tự chọn.		21/56				
11	EVS 6106	Phương pháp nghiên cứu khoa học <i>Scientific Research methods</i>	3	30	15	0	
12	EVS 6107	Đạo đức và chính sách môi trường <i>Ethics and Environmental Policy</i>	3	30	15	0	
13	EVS 6108	Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường <i>Environmental Quality Assessment and Control</i>	3	25	15	5	EVS6103
14	EVS 6109	Ứng dụng viễn thám và GIS trong nghiên cứu môi trường <i>GIS and Remote Sensing Application of Environment</i>	3	25	10	10	
15	EVS 6110	Toán ứng dụng trong môi trường <i>Applied Mathematics for Environmental science</i>	3	25	15	5	

VST

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
16	EVS 6231	Quy hoạch môi trường <i>Environmental Planning</i>	2	15	10	5	
17	EVS 6232	Kinh tế môi trường <i>Environmental Economics</i>	2	15	10	5	
18	EVS 6233	Sinh thái học hệ sinh thái <i>Ecosystem Ecology</i>	2	15	10	5	
19	EVS 6234	Phân vùng và quy hoạch lãnh thổ <i>Zoning and Territorial Planning</i>	2	15	10	5	
20	EVS 6235	Luật pháp, chính sách về môi trường và tài nguyên thiên nhiên <i>Law, Policy on Environment and Natural Resources</i>	2	20	0	10	
21	EVS 6236	Xã hội học môi trường <i>Environmental Sociology</i>	2	15	10	5	
22	EVS 6237	Khu vực học: Lý thuyết và phương pháp nghiên cứu <i>Area Study: Theory and Research Methods</i>	2	15	10	5	
23	EVS 6238	Hệ sinh thái rừng và lâm nghiệp xã hội <i>Forest Ecosystems and Social Forestry</i>	2	15	10	5	

LAST

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
24	EVS 6239	Hệ sinh thái đất ngập nước <i>Wetland Ecosystem</i>	2	15	10	5	
25	EVS 6240	Sinh thái học nông nghiệp <i>Agricultural Ecology</i>	2	15	10	5	
26	EVS 6241	Sức khỏe môi trường và sức khỏe con người <i>Environmental and Human Health</i>	2	15	10	5	EVS6102
27	EVS 6242	Quản lý tổng hợp lưu vực <i>Integrated Watershed Management</i>	2	15	10	5	
28	EVS 6243	Biến đổi khí hậu <i>Climate Change</i>	2*	15	10	5	EVS6102
29	EVS 6244	Các vấn đề toàn cầu và khu vực về tài nguyên và môi trường <i>Global and Local Issues in Resources and Environment</i>	2	15	5	10	
30	EVS 6245	Giáo dục môi trường và phát triển bền vững <i>Environmental Education and Sustainable Development</i>	2	15	10	5	
31	EVS 6226	Độc học sinh thái <i>Toxical ecology</i>	2	15	10	5	

WT

Số TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
32	EVS 6227	Môi trường và phát triển cộng đồng <i>Environment and Community Development</i>	3	25	10	10	
33	EVS 6228	Dân số định cư và môi trường <i>Population - Settlement and Environment</i>	2	15	10	5	
34	EVS 6229	Phát triển bền vững biển <i>Oceanic Sustainable Development</i>	2	20	5	5	
35	EVS 6230	Mô hình hóa các hệ sinh thái <i>Modeling of ecosystems</i>	2	20	5	5	
III	EVS 7006	Luận văn <i>Final Thesis</i>	18				
		Tổng cộng	66				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.